

Bản án số: 190/2025/DS-PT

Ngày 15 – 5 – 2025

V/v tranh chấp chia thừa kế

quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan.

Bà Châu Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 49/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 408/2024/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 101/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bà Mai Thị T, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Ấp I, xã K, huyện T, Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà T: Ông Trần Công H, sinh năm 1954, Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Luật sư Võ Thanh T1 – Văn phòng L4, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (có mặt).

- Bị đơn: Bà Mai Thị Bích N, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp I, xã K, huyện T, Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N: Luật sư Nguyễn Văn M – Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn M, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (có mặt).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Mai Văn Đ. Sinh năm: 1961. Người đại diện hợp pháp của ông Đ là Bà Mai Thị Bích N, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp I, xã K, huyện T, Cà Mau (có mặt).

2. Bà Mai Ngọc T2. Sinh năm: 1964 (vắng mặt).

3. Bà Mai Thị Ánh . Sinh năm: 1964 (vắng mặt).

4. Bà Mai Thị T3. Sinh năm: 1954 (vắng mặt).

5. Bà Mai Thị Thu H1, sinh năm 1984

6. Ông Mai Hà A, sinh năm 1991

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H1, ông A: Bà Mai Thị Bích N, sinh năm 1989 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp I, xã K, huyện T, Cà Mau.

7. Bà Mai Thị N1. Sinh năm: 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

8. Bà Mai Thị L (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện T, Cà Mau.

9. Bà Mai Thị T4. Sinh năm: 1956 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

10. Bà Mai Thị Ngọc C, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã H, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

11. Ông Mai Hồng Q, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

12. Ông Mai Hữu K, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

13. Ông Mai Hồng B, sinh năm 1974 (xin vắng mặt).

14. Bà Mai Thị Ngọc M1, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

15. Bà Mai Thị Thu H2, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

16. Ông Mai Văn D, sinh năm 1980 (vắng mặt).

17. Bà Trần Thị Ú, sinh năm 1937 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

18. Ông Mai Hữu Đ1, sinh năm 1986 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

19. Ông Trần Thanh L1, sinh năm 1962 (vắng mặt).
20. Bà Trần Mỹ H3, sinh năm 1966 (vắng mặt).
21. Bà Trần Mỹ H4, sinh năm 1968 (vắng mặt).
22. Bà Trần Thị Đ2, sinh năm 1970 (vắng mặt).
23. Ông Trần Thanh K1, sinh năm 1974 (vắng mặt).
24. Bà Trần Tuyết S, sinh năm 1979 (vắng mặt).
25. Ông Trần Văn D1, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Bà Mai Thị T là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, nguyên đơn bà Mai Thị T trình bày:*

Về nguồn gốc đất của cụ Mai Hiền L2 và bà Trần Thị B1 được ông bà cho phần đất diện tích là 40.570m², thửa số 330, 331, tờ bản đồ số 12, tại ấp I, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Được cấp giấy chứng nhận QSDĐ vào ngày 15/5/1992 do ông Mai Hiền L2 đứng tên. Cha, mẹ bà quản lý đến ngày 26/3/1993 cha chết, phần đất do mẹ chúng tôi quản lý canh tác. Đến ngày 28/7/2004, mẹ tôi chết.

Trước đây vào ngày 15/7/1998, mẹ tôi có lập “Biên bản thay từ di chúc” phân chia diện tích đất 40.570m² cho các con, cụ thể như sau:

- Vợ chồng Mai Văn Đ hưởng 03 công ruộng tầm 3m và 03 công vườn tầm 3m.

- Trước đây khi cha mẹ còn sống có sang bán cho con là Huỳnh Văn Đ3 và Mai Thị Á 10 công ruộng tầm 3m, hiện nay giữ nguyên không thay đổi. Đổi 01 công ruộng (tầm 3m) thành 01 công vườn (tầm 3m) mặt tiền. Vợ chồng Út Á1 nhận 09 công ruộng (tầm 3m) và 01 công vườn mặt tiền (tầm 3m).

- Sang nhượng cho Mai Ngọc T2 02 công vườn và 03 công ruộng. Tổng cộng 05 (năm) công tầm lớn với giá 10 (Mười) chỉ vàng 24k. Sang nhượng cho Mai Thị T3 01 công vườn, 03 công ruộng. Tổng cộng 04 công tầm 3m, với giá 08 (Tám) chỉ vàng 24k.

- Phần nuôi dưỡng mẹ già và phụng thờ. Mẹ có ý kiến ở với bà Mai Thị T, vợ chồng bà T nhận nuôi dưỡng mẹ và thờ phụng quản lý số đất hương hỏa còn lại. Sau khi phân chia đất cho các con xong, phần của ai người đó quản lý, sử dụng tách biệt cho đến nay, nhưng chưa tách bìa đỏ, chỉ có Huỳnh Văn Đ3 là chồng Mai Thị Á tách bìa đỏ. Bà nuôi dưỡng mẹ, phụng thờ và quản lý diện tích đất còn lại là 8.170m².

Hiện nay, Mai Thị Bích N là con Mai Văn Đ ngang nhiên lấy diện tích đất 8.170m² của bà canh tác và xây dựng 01 căn nhà tình thương có diện tích ngang

khoảng 4m, dài khoảng 9m, diện tích chung khoảng 36m² trên phần đất này, với lý do cho rằng đất này của ông, bà nội nên N là cháu nội được quyền hưởng. Bà có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã K giải quyết nhưng không có kết quả.

Nay bà yêu cầu Tòa án công nhận “Biên bản thay từ di chúc” ngày 15/7/1998 do mẹ bà là Trần Thị B1 lập. Buộc bà Mai Thị Bích N giao trả lại diện tích đất hương hỏa còn lại là 8.170m² cho bà quản lý, sử dụng

- Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện và tại phiên tòa bị đơn bà Mai Thị Bích N trình bày:

Tại Tờ nhượng quyền ông Mai Hiền L2 (ông nội của tôi) cho con trai là Mai Văn Đ và con dâu là Lê Thị T6 phần đất ruộng 10 công tầm nhỏ và 01 công tầm lớn đất vườn để trồng trọt và cất nhà phía mặt trời lặn. Đã được đại diện Ấp I và Tập Đoàn T10 ký xác nhận. Ngày 29/3/1996 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (chứng thực) có kiểm tra bản sao này giống như bản chính, do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T là Nguyễn Thanh L3 phụ trách Công chứng ký tên và đóng dấu của Ủy ban nhân dân huyện T. Theo quy định của pháp luật tại thời điểm Công chứng này các Hợp đồng và Giấy tờ đã được Công chứng có giá trị chứng cứ. Như vậy, tại Tờ nhượng quyền này có Ấp I và Tập Đoàn T10 ký xác nhận và được Công chứng theo quy định của pháp luật là Tờ nhượng quyền nói trên là hợp tình, hợp lý. Cha mẹ tôi đã quản lý và sử dụng đất này từ năm 1984 đến khi mẹ tôi chết và cha tôi mất năng lực hành vi dân sự (được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự tại Bản án số: 12/2017/QĐSD-ST ngày 25/9/2017) thì chị em chúng tôi quản lý và sử dụng đất này để thờ cúng ông nội, bà nội, 02 liệt sỹ, mẹ và nuôi cha tôi đã mất năng lực hành vi dân sự.

Cha mẹ tôi đã được ông nội tôi là ông L2 cho đất sử dụng ổn định, liên tục, lâu dài từ năm 1984 cho đến nay và đã được Công chứng hợp pháp. Do đó, về mặt pháp luật phải công nhận phần đất này là của cha mẹ tôi được tặng cho. Mọi biến động phần đất này mà không được chị em tôi đồng ý để giao cho người khác quản lý là không đúng quy định của pháp luật. Quá trình quản lý sử dụng đất gia đình tôi đã làm tròn nghĩa vụ là thờ phụng ông bà và đã xây nhà mồ hoàn thiện cho ông bà xong. Do đó, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị L, bà Mai Thị T4 trình bày:

Về nguồn gốc đất, thành phần gia đình, diễn biến tranh chấp đất đúng như bà T trình bày.

Về biên bản thay từ di chúc ngày 16/7/1998 bà có trực tiếp tham gia, thành phần, nội dung trong biên bản này là hoàn toàn đúng sự thật, còn lại 05 người đều có được phân chia đất của cha mẹ hết, chia theo di chúc có: Tám, T3, Á, T2, Đ. Hiện tại những người này đã nhận được đất từ lúc có tờ di chúc, riêng phần đất của bà T có tranh chấp đến nay, bà không có yêu cầu được nhận di sản thừa kế của cha mẹ, do bà có chồng và bên chồng có đất nên bà không nhận đất mà để lại cho anh em khác. Bà L bà T4 đồng ý theo việc bà T đi kiện đòi lại 8.170m².

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Á trình bày:

Vào ngày 15/7/1998 mẹ ruột tôi là Trần Thị B1 tổ chức cuộc họp gia đình và thân tộc có lập "Biên bản thay Tờ di chúc", tại nhà mẹ tôi thuộc xóm A, ấp I, xã K, tôi có tham dự cuộc họp này, cuộc họp có nhiều nội dung, trong đó có việc phân chia đất cho các con; ý kiến của mẹ tôi là ở với bà T (Mai Thị T), vợ chồng bà T nhận nuôi dưỡng mẹ, phụng thờ và quản lý số đất hương hỏa. Ngày 04/4/2004, tại nhà mẹ tôi là Trần Thị B1 có tổ chức cuộc họp thân tộc (có lập Biên bản), nội dung là: Phần đất đai đã phân chia theo Tờ Di chúc không thay đổi. Tuy nhiên phần thờ cúng cha mẹ và hai người anh liệt sĩ là Mai Ngọc C1 và Mai Ngọc T5, đất hương hỏa theo lời Di chúc giao cho con là Mai Thị T, nay chuyển quyền lại cho Mai Văn Đ. Vợ chồng Mai Văn Đ và Lê Thị Hoa T6 thờ cúng cha mẹ, hai anh liệt sĩ, quản lý nhà cửa, mồ mã, đất đai hương hỏa không được quyền sang nhượng.

Ngày 06/7/2023, tôi có tham dự cuộc họp thân tộc, nội dung cuộc họp là thống nhất phần đất hương hỏa (đất đang tranh chấp hiện nay giữa bà T với bà N) để cho ông Mai Văn Đ hưởng và thờ cúng, không ai xâm phạm.

Hiện nay, bà Mai Thị Bích N đang thờ cúng: 02 liệt sĩ là Mai Ngọc C1 và Mai Ngọc T5, ông Mai Hiền L2, bà Trần Thị B1 và quản lý phần đất đang tranh chấp. Bà N đã cất nhà mồ cho ông L2 và bà B1, với số tiền gần 140.000.000 đồng.

Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của bà Mai Thị T và giữ nguyên hiện trạng phần đất tranh chấp cho bà Mai Thị Bích N để thờ cúng ông L2, bà B1, ông C1 và ông T5. Đây là ý chí của mẹ tôi lúc còn sống là ai thờ cúng thì được hưởng phần đất hương hỏa.

- Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị N1 trình bày:

Vào ngày 15/7/1998 mẹ ruột tôi là Trần Thị B1 tổ chức cuộc họp gia đình và thân tộc có lập "Biên bản thay Tờ di chúc", tại nhà mẹ tôi thuộc xóm A, ấp I, xã K, tôi có tham dự cuộc họp này, cuộc họp có nhiều nội dung, trong đó có việc phân chia đất cho các con; ý kiến của mẹ tôi là ở với bà T (Mai Thị T), vợ chồng bà T nhận nuôi dưỡng mẹ, phụng thờ và quản lý số đất hương hỏa.

Ngày 04/4/2004, tại nhà mẹ tôi là Trần Thị B1 có tổ chức cuộc họp thân tộc (có lập Biên bản), nội dung là: Phần đất đai đã phân chia theo tờ Di chúc không thay đổi. Tuy nhiên phần thờ cúng cha mẹ và hai người anh liệt sĩ là Mai Ngọc C1 và Mai Ngọc T5, đất hương hỏa theo lời Di chúc giao cho con là Mai Thị T, nay chuyển quyền lại cho Mai Văn Đ. Vợ chồng Mai Văn Đ và Lê Thị Hoa T6 thờ cúng cha mẹ, hai anh liệt sĩ, quản lý nhà cửa, mồ mã, đất đai hương hỏa không được quyền sang nhượng.

Ngày 06/7/2023, tôi có tham dự cuộc họp thân tộc, nội dung cuộc họp là thống nhất phần đất hương hỏa (đất đang tranh chấp hiện nay giữa bà T7 với bà N) để cho ông Mai Văn Đ hưởng và thờ cúng, không ai xâm phạm.

Hiện nay, bà Mai Thị Bích N đang thờ cúng: 02 liệt sĩ là Mai Ngọc C1 và Mai Ngọc T5, ông Mai Hiền L2, bà Trần Thị B1 và quản lý phần đất đang tranh chấp. Bà N2 đã cất nhà mồ cho ông L2 và bà B1, với số tiền gần 140.000.000 đồng.

Vì vậy, tôi kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của bà Mai Thị T và giữ nguyên hiện trạng phần đất tranh chấp cho bà Mai Thị Bích N để thờ cúng ông L2, bà B1, ông C1 và ông T5. Đây là ý chí của mẹ tôi lúc còn sống là ai thờ cùng thì được hưởng phần đất hương hỏa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D1 trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 12/10/2024:

Bà Lư Thị R là con riêng của cụ Trần Thị B1, bà Lư Thị R chết năm 2021, chồng là ông Trần Hồng T8, chết năm 2001. Bà R và ông T8 có những người con: Trần Thanh L1, sinh năm 1962, Trần Mỹ H3, sinh năm 1966, bà Trần Mỹ H4, sinh năm 1968, bà Trần Thị Đ2, sinh năm 1970, ông Trần Thanh K1, sinh năm 1974, bà Trần Tuyết S, sinh năm 1979, ông Trần Văn D1, sinh năm 1982, có cùng địa chỉ thường trú tại ấp H, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Ông D1 không có yêu cầu gì trong vụ án này, ông D1 có ý kiến giữ nguyên phần đất đang tranh chấp cho ông Mai Văn Đ quản lý sử dụng vì phía ông Mai Văn Đ và các con của ông Đ đã làm tròn nghĩa vụ thờ cúng và làm nhà mồ cho tổ tiên. Ông D1 yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Hồng B, ông Mai Hữu Đ1 trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 11/10/2024:

Ông Mai Hữu Q1, sinh năm 1934 là con riêng của cụ Mai Hiền L2, ông Q1 chết ngày 29/4/2021, có vợ là Trần Thị Ú, sinh năm 1937 hiện đang sống cùng với ông Mai Văn D, ông Q1 và bà Ú có những người con: Bà Mai Thị Ngọc C, sinh năm 1964, ông Mai Hồng Q, sinh năm 1966, ông Mai Hữu K, sinh năm 1968, ông Mai Hồng B, sinh năm 1974, bà Mai Thị Ngọc M1, sinh năm 1976, bà Mai Thị Thu H2, sinh năm 1978, ông Mai Văn D, sinh năm 1980, ông Mai Hữu Đ1, sinh năm 1986 (có địa chỉ cụ thể từng người kèm theo). Ông B và ông Đ1 không đồng ý với việc bà Mai Thị T khởi kiện bà Mai Thị Bích N, vì bà Mai Thị T đã được cụ M2 Hiền Lương tặng cho phần đất phía sau hậu giáp Kênh Cả Tàu, theo ông Đ1 và ông B được biết phần đất đang tranh chấp là của cụ M2 Hiền Lương tặng cho ông Mai Văn Đ vì ông Đ là con trai út lo thờ cúng tổ tiên và phần nhà ông Đ đang ở là nhà tình nghĩa, trong vụ án này ông B, ông Đ1 không có yêu cầu gì và xin Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 408/2024/ DS-ST ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời tuyên xử:

1. Tuyên Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị T về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 8.374,2m² vị trí số thửa 7 theo bản đồ vẽ, tờ bản đồ số 7 (bản đồ địa chính thành lập năm 2008), tọa lạc tại ấp I, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau do bị đơn bà Mai Thị Bích N đang quản lý.

(Có trích đo hiện trạng ngày 26/9/2022 của Chi nhánh Công ty TNHH T11 kèm theo).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị T yêu cầu bà Mai Thị Bích N trả lại phần đất nền nhà có diện tích 36m².

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 09/01/2024, bà Mai Thị T kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Căn cứ vào tờ di chúc ngày 15/7/1998 dương lịch, cụ B1 đã giao phần đất đang tranh chấp cho bà T, đây là di chúc hợp pháp có xác nhận của chính quyền địa phương. Xét tờ nhượng đất của cụ M2 Hiền Lương do bị đơn cung cấp là không có cơ sở, bởi lẽ diện tích đất của bị đơn quản lý hiện tại là không phù hợp, chữ viết và chữ ký trong tờ nhượng đất này là không phải của cụ L2. Nguyên đơn yêu cầu giám định chữ ký của cụ L2 thì bị đơn không đồng ý, diện tích đất của bà N đang quản lý không có tranh chấp cũng gần 8.000m², ông Đ bị bệnh thì trách nhiệm nuôi dưỡng của con cái, còn đất của cụ B1 cho bà T thì phải để cho bà T. Ý nguyện của cụ B1 là bà T phải lo thờ cúng thì phải thực hiện theo di chúc, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T.

- Bị đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Vị trí đất mà cụ L2 cho đất ông Đ vẫn không thay đổi so với phần đất hiện tại mà bị đơn quản lý, việc tặng cho đất là có diễn ra và tại tờ nhượng đất có chữ ký xác nhận của chính quyền địa phương ông Võ Văn Đ4 là trưởng ấp I và Tòa án đã xác minh làm việc với ông Đỗ Đ5, ông Đ5 cho biết việc tặng cho đất của cụ L2 cho ông Đ là cha của bị đơn là có diễn ra và dựa trên sự tự nguyện của cụ L2, di chúc của phía nguyên đơn cung cấp là không hợp pháp do thiếu người thừa kế của cụ L2, cụ B1, phần đất phân chia thừa kế đã được cụ Lương tặng cho ông Đ rồi mà lại đem đi phân chia thừa kế nữa, ông Đ là con trai út lo hương khói và thờ cúng tổ tiên nên được thừa hưởng phần đất này là phù hợp, nguyên đơn đã được cụ Lương T9 cho phần đất khác rồi, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để tiến hành giám định tờ nhượng đất giữa cụ L2 cho đất ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn còn trong thời hạn luật định. Nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2] Xét thấy cụ ông Mai Hiền L2 chết năm 1993, cụ bà Trần Thị B1 chết năm 2004, nguyên đơn khởi kiện ngày 08/3/2022 thì thời hiệu người yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế, do đó vẫn còn thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, nhận thấy: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của bị đơn, người liên quan trong vụ án thì: Cụ L2 chết không để lại di chúc. Cụ bà Trần Thị B1 có lập “Biên bản thay tờ di chúc” ngày 15/7/1998.

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn: Yêu cầu công nhận biên bản thay tờ di chúc ngày 15/7/1998 giao phân đất hương hỏa cho nguyên đơn và yêu cầu bị đơn di dời kiến trúc căn nhà, trả đất ngang 4m x dài 9m diện tích 36m².

Vào ngày 05/9/2023, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện, rút lại yêu cầu đối với bị đơn về việc di dời nhà trả đất ngang 4m x dài 9m diện tích 36m². Án sơ thẩm đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là phù hợp.

[3] Nguyên đơn yêu cầu công nhận biên bản thay tờ di chúc ngày 15/7/1998 do bà Trần Thị B1 lập cho nguyên đơn được hưởng phần hương quả. Diện tích đất hương hỏa còn lại sau khi đã trừ phần của các anh chị em so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 8.170m² nguyên đơn được hưởng, yêu cầu buộc bị đơn giao trả theo diện tích đo đạc thực tế tại thửa số 7 có diện tích là 8.374,2m², thuộc một phần trong quyền sử dụng đất số B 067402 thửa số 331 tờ bản đồ số 12 do cụ Mai Hiền L2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Mai Hiền L2 và cụ Trần Thị B1:

Cha mẹ của cụ L2 và cụ B1 đã chết những người con chung của cụ L2 và cụ B1 gồm: Bà Mai Thị T, sinh năm 1952, bà Mai Thị T3, sinh năm 1954, bà Mai Thị N1, sinh năm 1955, bà Mai Thị T4, sinh năm 1956, bà Mai Thị L, sinh năm 1960, ông Mai Văn Đ, sinh năm 1961, bà Mai Thị Á, sinh năm 1964, bà Mai Ngọc T2, sinh năm 1964.

Con riêng của cụ Mai Hiền L2: Ông Mai Hữu Q1, sinh năm 1934, chết ngày 29/4/2021.

Con riêng của cụ Trần Thị B1: Bà Lư Thị R, chết năm 2021.

[4] Cụ M2 Hiền Lương đứng tên quyền sử dụng đất thửa số 330, 331 tờ bản đồ số 12 có diện tích 40.570m². Trong đó phần đất vườn, ruộng đã chuyển nhượng cho bà Mai Thị T3 đang quản lý sử dụng theo đo đạc thực tế là 5.182m² không có tranh chấp, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chuyển nhượng cho bà Mai Thị Á, ông Huỳnh Văn Đ3 01 công vườn và 09 công ruộng tầm 3m, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chuyển nhượng cho bà Mai Ngọc

T2 02 công đất vườn, 03 công đất ruộng theo đo vẽ tại thửa số 6 có diện tích là 5.184m², không có tranh chấp. Phần đất ông Mai Văn Đ được tặng cho bao gồm đất vườn và đất ruộng tại thửa số 2 và thửa số 4 có diện tích có tổng diện tích 7.776m², không có tranh chấp.

[5] Phần đất tranh chấp còn lại là tại thửa số 7 có diện tích là 8.374,2m² là phần đất trồng lúa không có công trình kiến trúc trên đất, hiện nay do phía bị đơn bà Mai Thị Bích N là con của ông Mai Văn Đ đang quản lý, sử dụng.

Bị đơn có cung cấp cho Tòa án “Tờ nhượng quyền sử dụng đất” ngày 12/4/1984 dương lịch có nội dung: “*Thưa quý ông: Tháng hai âm lịch vừa rồi tôi đã cưới vợ cho con trai tôi là Mai Hữu Đ6 và tháng tư này tôi cho hai vợ chồng nó ra riêng. Tôi cho quyền vợ chồng con trai tôi 10 công tầm nhỏ ruộng canh tác lúa và một công tầm lớn vườn để trồng trọt và cất nhà phía mặt trời lặn...*” có xác nhận của chính quyền địa phương là trưởng ấp I và tập đoàn T10 là ông Đỗ Đ5 và Tòa án có tiến hành xác minh ông Đỗ Đ5 thì ông Đ5 thừa nhận có ký xác nhận vào tờ tặng cho đất của cụ L2 cho đất ông Đ6, việc tặng cho đất này là có và dựa trên ý chí tự nguyện của cụ L2.

Việc tặng cho đất này được thực hiện trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/5/1992. Sau khi được tặng cho đất thì ông Đ6 quản lý sử dụng phần đất này và sau đó giao cho bị đơn quản lý sử dụng cho đến nay. Do đó, “Biên bản thay tờ di chúc” ngày 15/7/1998 của nguyên đơn cung cấp là không có hiệu lực pháp luật.

Theo lời bà Mai Thị Á, bà Mai Thị N1 cho là theo tờ di chúc phần thờ cúng cha mẹ và hai người anh liệt sĩ giao cho Mai Thị T nhưng đã chuyển quyền lại cho vợ chồng Mai Văn Đ và Lê Thị Hoa T6 quản lý, thờ cúng không được chuyển nhượng sang bán.

Mặt khác, ông Mai Văn Đ là con trai út, theo phong tục tập quán và truyền thống thì con trai sẽ lo việc thờ phụng hương khói cho ông bà, cha mẹ nên phần đất được tặng cho sẽ nhiều hơn những chị em khác là phù hợp.

Tại tờ biên bản thay tờ di chúc hoàn toàn không nói về việc cho bà T phần đất nào mà chỉ nói “nói chế T nuôi mẹ và quản lý số đất hương quả” nhưng trên thực tế từ trước tới nay cụ Ba chung sống với ông Đ, bà T6 cho đến khi bà B1 chết, tại tòa nguyên đơn yêu cầu giám định tờ nhượng đất của cụ L2 năm 1984 nhưng bản thân nguyên đơn cũng không cung cấp chứng cứ tài liệu gì để chứng minh, hơn nữa việc giám định tờ nhượng đất của cụ L2 cho con là ông Đ cũng không có ý nghĩa và trên thực tế ông Đ, bà T6 đã sử dụng quản lý từ trước đến nay khi cụ L2, cụ B1 còn sống chung với ông Đ, bà T6.

Nguyên đơn bà Mai Thị T là chị cả trong gia đình cũng đã được cụ L2 và cụ B1 tặng cho phần đất khác, phía sau hậu phần đất tranh chấp. Tại phiên tòa nguyên đơn không đưa ra chứng cứ tài liệu gì mới để chứng minh cho việc kháng cáo nên không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[6] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị ngừng phiên tòa để tiến hành giám định. Xét thấy như nhận trên, việc giám định cũng không có ý nghĩa, hơn nữa chữ viết ký từ năm 1984 đến nay. Các bên đương sự cũng không thể nào cung cấp tài liệu mẫu chữ để tiến hành giám định, việc ngừng phiên tòa là không cần thiết nên không được chấp nhận.

[7] Chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Mai Thị T có dự nộp các chi phí tố tụng trong quá trình xem xét giải quyết vụ án và đã thực hiện xong bao gồm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc với số tiền 12.885.000 đồng, chi phí định giá là 8.022.300 đồng, tổng cộng chi phí tố tụng là 20.907.300 đồng, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận, nên nguyên đơn bà Mai Thị T phải chịu toàn bộ, nguyên đơn đã dự nộp xong.

[8] *Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm:* Nguyên đơn bà Mai Thị T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn có đơn xin miễn án phí nên không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn: Bà Mai Thị T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 408/2024/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời:

T:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị T về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 8.374,2m² vị trí số thửa 7 theo bản đồ vẽ, tờ bản đồ số 7 (bản đồ địa chính thành lập năm 2008), tọa lạc tại ấp I, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau do bị đơn bà Mai Thị Bích N đang quản lý.

(Có trích đo hiện trạng ngày 26/9/2022 của Chi nhánh Công ty TNHH T11 kèm theo).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị T yêu cầu bà Mai Thị Bích N trả lại phần đất nền nhà có diện tích 36m².

2. Chi phí tố tụng là 20.907.300 đồng, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận, nên nguyên đơn bà Mai Thị T phải chịu toàn bộ, nguyên đơn đã dự nộp xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Mai Thị T là người cao tuổi đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Hùng Quang